

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
<i>Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2015</i>	5 - 6
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</i>	7
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</i>	8
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</i>	09 - 39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng kí thay đổi lần thứ 11 ngày 14/04/2015.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP - VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 23/06/2015. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết là 15.408.000 cổ phiếu tương ứng với giá trị chứng khoán niêm yết là 154.080.000.000đồng.

Công ty có trụ sở tại: số 189 Đường Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:**Hội đồng quản trị:**

1 Ông Lê Thái Cường	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 09/4/2015)
2 Ông Bùi Chí Hùng	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 09/4/2015)
3 Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Ủy viên
4 Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên
5 Bà Vũ Thị Phú	Ủy viên
6 Bà Đào Kim Phương	Ủy viên
7 Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Ủy viên (ĐHCĐTN bầu ngày 25/4/2015)
8 Ông Đặng Tiếp	Ủy viên (ĐHCĐTN bầu ngày 25/4/2015)
9 Ông Lê Hoài Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24/03/2015)

Ban Giám đốc:

1 Ông Lê Quang Huy	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 2/4/2015)
2 Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 2/4/2015)
3 Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
4 Bà Nguyễn Thu Thuý	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát:

1 Ông Trần Xuân Trường	Trưởng ban (BKS bầu ngày 21/05/2015)
2 Bà Nguyễn Thị Hiệt	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 23/03/2015)
3 Bà Trần Thị Kim Hồng	Thành viên
4 Bà Văn Thị Thanh Bình	Thành viên

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn

Website: www.cpahanoi.com



Số: 119/2015/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 30/07/2015 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác Kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét, được lập thành 09 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải giữ 08 bản, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNĐKHNKT số: 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Phấn

Giấy CNĐKHNKT số: 0928-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.078.211.811	73.213.078.141
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.107.589.652	16.373.791.457
1. Tiền	111		12.607.589.652	10.373.791.457
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.500.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.683.574.605	42.277.355.182
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	28.781.744.742	30.698.003.892
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.656.324.900	1.011.806.500
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.1	18.632.740.054	10.954.779.881
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.2	(387.235.091)	(387.235.091)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	11.757.390.460	13.268.969.707
1. Hàng tồn kho	141		12.394.770.460	13.906.349.707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(637.380.000)	(637.380.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.529.657.094	1.292.961.795
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.1	1.579.255.387	556.016.582
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		896.983.552	729.670.197
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	53.418.155	7.275.016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		147.069.629.291	150.056.611.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.392.000.000	4.777.823.885
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	2.472.000.000	1.857.823.885
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.3.2	1.920.000.000	2.920.000.000
II. Tài sản cố định	220		112.830.959.222	113.540.033.771
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	104.588.048.277	104.049.920.058
- Nguyên giá	222		170.431.174.299	169.510.487.769
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(65.843.126.022)	(65.460.567.711)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.7	-	1.032.665.600
- Nguyên giá	225		-	1.396.280.250
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(363.614.650)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8.242.910.945	8.457.448.113
- Nguyên giá	228		12.418.804.956	12.418.804.956
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.175.894.011)	(3.961.356.843)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		980.210.564	1.073.395.463
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	980.210.564	1.073.395.463
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.866.459.505	30.665.358.160
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.2	2.694.077.457	1.623.336.621
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17a	90.544.861	112.183.957
3. Lợi Thế thương mại	269	V.10.3	26.081.837.187	28.929.837.582
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		240.147.841.102	223.269.689.420

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 39 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.315.372.277	38.729.858.154
I. Nợ ngắn hạn	310		27.377.954.464	29.176.743.348
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6.539.570.756	6.366.517.566
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.023.785.711	424.299.736
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	2.422.615.095	2.839.437.142
4. Phải trả người lao động	314		1.396.840.325	1.436.320.778
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	183.610.213	196.095.863
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	1.350.053.599	1.324.458.502
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.1	4.425.553.175	1.646.963.785
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11.1	9.296.853.876	14.885.608.828
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		739.071.714	57.041.148
II. Nợ dài hạn	330		17.937.417.813	9.553.114.806
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15.2	9.768.343.315	6.854.114.806
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11.2	7.841.500.000	2.699.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17b	327.574.498	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		194.832.468.825	184.539.831.266
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	194.832.468.825	184.539.831.266
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		154.080.000.000	140.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.578.660.000	137.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.469.859.500	11.389.859.500
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2.526.129.900)	(2.524.789.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.395.865.839	3.390.355.276
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.526.349.197	30.852.782.889
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.942.225.814	8.603.495.084
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.584.123.383	22.249.287.805
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		886.524.189	1.131.623.501
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		240.147.841.102	223.269.689.420

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị






Hoàng Thị Ngọc Lan

Nguyễn Thu Thủy

Lê Thái Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01-01-2015 đến 30-06-2015	Từ 01-01-2014 đến 30-06-2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.317.411.073	91.540.736.842
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		83.317.411.073	91.540.736.842
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	61.912.445.633	70.156.063.230
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		21.404.965.440	21.384.673.612
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	266.720.713	289.648.217
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	676.094.071	2.312.616.127
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		671.190.730	2.312.616.127
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.749.172.909	6.997.044.409
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.246.419.173	12.364.661.293
11. Thu nhập khác	31	VI.6	7.067.714.844	6.451.183.367
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.647.939.847	5.076.754.769
13. Lợi nhuận khác	40		2.419.774.997	1.374.428.598
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.666.194.170	13.739.089.891
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	3.102.950.566	2.602.509.919
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(69.745.995)	(178.932.450)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.632.989.599	11.315.512.422
17.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		12.584.123.383	10.886.921.016
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		48.866.216	428.591.406
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	908	897

Người lập biểu



Hoàng Thị Ngọc Lan

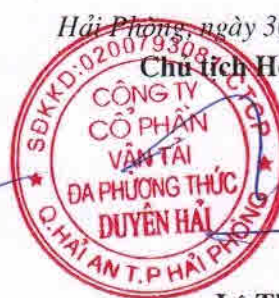
Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Lê Thái Cường

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 39 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		93.984.805.525	93.493.386.171
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(53.811.076.697)	(48.879.806.091)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.087.321.636)	(10.420.709.275)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(538.508.673)	(2.362.924.459)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.124.859.227)	(3.751.191.094)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		67.041.282.793	61.050.213.145
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(75.015.066.927)	(65.750.416.609)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.449.255.158	23.378.551.788
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.135.527.763)	(114.954.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.117.772.727	5.357.600.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.472.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.857.823.885	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.255.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		258.898.439	139.621.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.628.032.712)	5.382.266.738
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		(30.000.000)	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		(1.340.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	68.319.287.358	98.680.414.853
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(68.765.542.310)	(113.082.815.793)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			(1.222.660.076)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(609.340.029)	(12.882.051.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.086.934.981)	(28.507.112.946)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		13.734.287.465	253.705.580
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.373.791.457	11.878.587.333
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(489.270)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		30.107.589.652	12.132.292.913

Người lập biểu



Hoàng Thị Ngọc Lan

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/04/2015.

Công ty có trụ sở tại: số 189 Đường Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 140.300.000.000 đồng

(*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tỷ ba trăm triệu đồng.*)

Tại ngày 30/6/2015 vốn điều lệ của Công ty là: 154.080.000.000 đồng và Công ty đang tiến hành xin thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh.

2 Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại và dịch vụ

3 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Chi tiết : vận tải hàng hoá bằng ô tô, xe container.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng).
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc.
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.
- Vận tải hàng hoá đường sắt.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết:
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá; Cho thuê container.
- Cho thuê xe có động cơ.

4 Danh sách Công ty con quan trọng được hợp nhất

Số các công ty con được hợp nhất: 07

Số các công ty con không được hợp nhất: 0

Tên Công ty con

Địa chỉ

Tỷ lệ lợi ích tại
ngày 30/06/2015

Tỷ lệ quyền biểu
quyết tại ngày
30/06/2015

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Địa chỉ: km104+200, đường Nguyễn Bình Khiêm, P Đông Hải 2, Q Hải An, TP Hải Phòng	99,68%	99,68%
2	Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	99,35%	99,35%
4	Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Địa chỉ: Phòng 212 nhà N3, Lê Văn Lương, Trung Hoà - Nhân Chính, P Nhân Chính, Q Thanh Xuân, TP Hà Nội.	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH Container Minh Thành	Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	99,90%	99,90%
6	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	99,00%	99,00%
7	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Địa chỉ: Lô số 2, khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	100,00%	100,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015.
Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ nên kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.
3. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo

1. Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
Chúng tôi, Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:

a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường di Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
 - + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
 - + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập
 - Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
 - + Các đơn vị trong cùng tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch nội bộ.
- b Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ:** Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.
- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
 - Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.
- c Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:**
- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:
 - + Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ
+ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.

Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả
+ trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.

+ Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.

+ Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.

+ Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:

+ Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSSCD, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.

+ Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSSCD, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

+ Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.

- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

241-C
GT
EMH
LOAI
TOI
HA N
MA

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 -50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình	3 - 50 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc đang xây dựng sang bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi

7 Nguyên tắc kế toán các hợp đồng, hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng cho hoạt động hợp tác kinh doanh, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát mỗi bên tham gia được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động này bên nào bỏ ra bên đó gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

8 Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được phân bổ tối đa không quá 3 năm.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

10 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.

- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

12 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi

vốn hoá. Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

- Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.
- Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.
- Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được ,như:

- Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;
- Các khoản dự phòng phải trả khác.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản :

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

16 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
 - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
 - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngày vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

1-C
TY
H.H
DAN
TOA
1-N
1-A

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

19 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

20 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

21 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

21 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

22 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.

- Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VND)

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Tiền mặt	1.559.788.306	709.141.609
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	26.983.263	95.676.299
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	299.257.561	78.921.746
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	67.517.780	18.828.374
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	802.250.002	212.214.916
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	257.526.371	200.086.407
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	26.127.303	12.540.767
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	79.513.754	66.639.457
Công ty TNHH Container Minh Thành	612.272	24.233.643
- Tiền gửi Ngân hàng	11.047.801.346	9.664.649.848
Tiền gửi VND	11.045.058.193	9.661.923.151
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	4.208.342.780	3.010.863.544
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	766.331.575	3.693.674.504
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	3.867.592.518	999.875.513
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	331.628.942	1.174.932.033
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	1.334.372.070	459.476.542
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	7.320.289	117.539.421
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	13.187.668	1.589.503
Công ty TNHH Container Minh Thành	516.282.351	203.972.091
Tiền gửi ngoại tệ	2.743.153	2.726.697
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	1.945.390	1.907.933
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	797.763	818.764
- Các khoản tương đương tiền	17.500.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	8.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	9.500.000.000	1.000.000.000
Cộng	30.107.589.652	16.373.791.457

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

2. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn	28.781.744.742	(387.235.091)	30.698.003.892	(387.235.091)
<i>a Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải</i>	<i>1.329.348.843</i>		<i>4.353.869.656</i>	
<i>b Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải</i>	<i>821.534.460</i>		<i>425.083.011</i>	
<i>c Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ</i>	<i>19.540.740.735</i>		<i>18.631.218.698</i>	
<i>d Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải</i>	<i>4.250.346.358</i>	<i>(387.235.091)</i>	<i>3.974.670.738</i>	<i>(387.235.091)</i>
<i>e Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải</i>	<i>1.569.964.463</i>		<i>1.511.465.652</i>	
<i>f Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội</i>	<i>338.999.176</i>		<i>428.925.466</i>	
<i>g Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải</i>	<i>336.645.340</i>		<i>360.843.682</i>	
<i>h Công ty TNHH Container Minh Thành</i>	<i>594.165.367</i>		<i>1.011.926.989</i>	
3. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
3.1 Phải thu khác ngắn hạn	18.632.740.054		10.954.779.881	
<i>a Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải</i>	<i>3.668.339.136</i>		<i>1.876.495.097</i>	
<i>b Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải</i>	<i>487.937.116</i>		<i>380.944.426</i>	
<i>c Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ</i>	<i>6.256.670.291</i>		<i>4.806.429.549</i>	
<i>d Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải</i>	<i>2.416.210.171</i>		<i>2.164.500.333</i>	
<i>e Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải</i>	<i>4.848.551.413</i>		<i>1.554.966.019</i>	
<i>f Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội</i>	<i>63.766.043</i>		<i>106.001.681</i>	
<i>g Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải</i>	<i>65.442.776</i>		<i>65.442.776</i>	
<i>h Công ty TNHH Container Minh Thành</i>	<i>825.823.108</i>		<i>-</i>	
3.2 Phải thu khác dài hạn	1.920.000.000		2.920.000.000	
<i>Phải thu về ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	<i>1.920.000.000</i>	<i>-</i>	<i>2.920.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	20.552.740.054	-	13.874.779.881	-

4. Phải thu cho về cho vay	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
<i>Phải thu cho về cho vay dài hạn</i>	2.472.000.000		1.857.823.885	
Cộng	2.472.000.000		1.857.823.885	
5. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>a Nguyên liệu vật liệu</i>	953.267.463	-	999.590.642	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	824.339.016		912.034.656	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	95.249.285		65.926.321	
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	33.679.162		21.629.665	
<i>b Chi phí sản xuất KD dở dang</i>	289.069.466	-	898.831.134	-
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	289.069.466		898.831.134	
<i>c Hàng hoá</i>	11.152.433.531	(637.380.000)	12.007.927.931	(637.380.000)
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	2.296.257.484	(637.380.000)	3.054.475.424	(637.380.000)
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	7.325.795.000		7.325.795.000	
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	1.530.381.047		1.627.657.507	
Cộng giá gốc hàng tồn kho	12.394.770.460	(637.380.000)	13.906.349.707	(637.380.000)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu kỳ	103.122.277.171	22.543.659.208	42.106.610.230	1.737.941.160	169.510.487.769
- Mua trong kỳ			10.940.000.004		10.940.000.004
- XDCB hoàn thành					-
- Tăng khác		790.634.236	457.231.210		1.247.865.446
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		8.151.186.710	2.752.078.571		10.903.265.281
- Giảm khác			363.913.639	-	363.913.639
Số dư cuối kỳ	103.122.277.171	15.183.106.734	50.387.849.234	1.737.941.160	170.431.174.299
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	32.091.280.926	13.701.451.701	18.529.342.062	1.138.493.022	65.460.567.711
- Khấu hao trong kỳ	3.235.036.449	1.073.189.928	3.266.805.101	111.811.360	7.686.842.838
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		5.939.286.923	1.364.997.604		7.304.284.527
- Giảm khác			-		-
Số dư cuối kỳ	35.326.317.375	8.835.354.706	20.431.149.559	1.250.304.382	65.843.126.022
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu kỳ	71.030.996.245	8.842.207.507	23.577.268.168	599.448.138	104.049.920.058
- Tại ngày cuối kỳ	67.795.959.796	6.347.752.028	29.956.699.675	487.636.778	104.588.048.277

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	-	-	1.396.280.250	-	1.396.280.250
- Thuê tài chính trong năm					-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-
- Tặng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán			1.396.280.250		1.396.280.250
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	363.614.650	-	363.614.650
- Khấu hao trong năm					-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-
- Tặng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán			363.614.650		363.614.650
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	-	1.032.665.600	-	1.032.665.600
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	TSCĐ VH khác	Cộng
Nguyên giá			
1. Số dư đầu kỳ	12.348.804.956	70.000.000	12.418.804.956
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	12.348.804.956	70.000.000	12.418.804.956
Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu kỳ	3.891.356.843	70.000.000	3.961.356.843
2. Số tăng trong kỳ	214.537.168	-	214.537.168
- Khấu hao trong năm	214.537.168		214.537.168
- Tăng khác			-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
4. Số dư cuối kỳ	4.105.894.011	70.000.000	4.175.894.011
Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu kỳ	8.457.448.113	-	8.457.448.113
2. Tại ngày cuối kỳ	8.242.910.945	-	8.242.910.945

9. Chi phí XDCB dở dang:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Công ty TNHH Container Minh Thành</i>	333.445.655	-
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải</i>	646.764.909	927.011.463
<i>Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải</i>	-	146.384.000
Cộng	980.210.564	1.073.395.463

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	1.579.255.387	556.016.582
Chi phí sửa chữa TSCĐ	111.395.284	31.328.395
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	19.114.711	16.625.584
Chi phí thuê văn phòng	281.053.928	281.053.928
Tiền thuê đất	153.830.069	0
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.013.861.395	227.008.675

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

10.2 Chi phí trả trước dài hạn	2.694.077.457	1.623.336.621
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.717.661.098	1.236.926.818
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	142.199.769	205.284.058
Đo đạc bản đồ, lập quy hoạch bãi	355.563.594	
Chi phí trả trước dài hạn khác	478.652.996	181.125.745
10.3 Lợi thế thương mại	26.081.837.187	28.929.837.582

11. Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)

12. Phải trả người bán	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	6.539.570.756	6.366.517.566
a Công ty CP VT Đa phương thức Duyên Hải	107.192.516	53.767.662
b Cty CP container Minh Thành	4.950.000	-
c Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	66.970.092	45.829.623
d Cty TNHH SX & TM Duyên hải	1.299.027.934	1.758.183.486
e Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	416.173.131	366.662.723
f Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.645.257.083	4.142.074.072

Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước - phụ lục 2

14. Chi phí phải trả:	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tiền hoa hồng nâng hạ phải trả	39.980.000	52.465.650
Chi phí phải trả dài hạn		
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	143.630.213	143.630.213
Cộng	183.610.213	196.095.863

15. Các khoản phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
15.1 Ngắn hạn	4.425.553.175	1.646.963.785
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	112.513.175	78.455.715
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	8.174.545	6.037.200
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	54.012.096	35.914.071
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	17.366.896	6.243.476
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	15.540.000	15.472.690
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	-	1.530.360

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	17.419.638	13.257.918
Bảo hiểm Y Tế	18.313.812	6.496.155
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	1.354.545	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	6.934.410	-
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	3.014.937	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	3.873.960	3.894.840
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	3.135.960	2.601.315
Bảo hiểm thất nghiệp	8.139.472	1.486.140
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	602.020	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	3.081.960	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.721.760	330.000
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.393.760	1.156.140
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	1.339.972	-
Cổ tức lợi nhuận phải trả	288.187.850	288.187.850
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	288.187.850	288.187.850
Phải trả , phải nộp khác	3.998.398.866	1.272.337.925
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	742.651.575	529.295.435
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	211.357.500	211.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	113.636.363	141.988.562
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	2.926.043.428	390.053.928
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	4.710.000	-
15.2 Dài hạn	9.768.343.315	6.854.114.806
Phải trả ký quỹ, ký cược dài hạn	9.768.343.315	6.854.114.806
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	-	443.200.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	415.000.000	415.000.000
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	7.513.343.315	4.155.914.806
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.840.000.000	1.840.000.000
16. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	295.849.251	295.849.161
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.054.204.348	1.028.609.341
Cộng	1.350.053.599	1.324.458.502

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	90.544.861	112.183.957
Cộng tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	90.544.861	112.183.957
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số cuối năm	Số đầu kỳ
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	327.574.498	-
Cộng thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	327.574.498	-

C.T.
 V.
 B.H.
 N.V.
 H.A.N.
 NỘ
 11-

18. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	128.700.000.000	9.130.359.500	(2.524.789.900)	6.826.418.229	2.610.016.874	26.040.824.978	170.782.829.681
- Tăng vốn trong năm trước	11.600.000.000	2.320.000.000					13.920.000.000
- Lãi trong năm trước						22.249.287.805	22.249.287.805
- Tăng khác					780.338.402	1.014.673	781.353.075
- Giảm vốn năm trước		60.500.000		5.694.794.728			5.755.294.728
- Giảm khác năm trước						17.438.344.567	17.438.344.567
2. Số dư cuối năm trước	140.300.000.000	11.389.859.500	(2.524.789.900)	1.131.623.501	3.390.355.276	30.852.782.889	184.539.831.266
3. Số dư đầu kỳ này	140.300.000.000	11.389.859.500	(2.524.789.900)	1.131.623.501	3.390.355.276	30.852.782.889	184.539.831.266
- Tăng vốn trong kỳ này	13.780.000.000		(1.340.000)				13.778.660.000
- Lãi trong kỳ (Lợi nhuận sau thuế của CTy Mẹ)						12.584.123.383	12.584.123.383
- Tăng khác					1.005.510.563	3.951.844	1.009.462.407
- Giảm vốn trong kỳ		6.890.000.000					6.890.000.000
- Giảm khác trong kỳ		30.000.000		245.099.312	-	9.914.508.919	10.189.608.231
4. Số dư cuối kỳ	154.080.000.000	4.469.859.500	(2.526.129.900)	886.524.189	4.395.865.839	33.526.349.197	194.832.468.825

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn góp của các cổ đông	151.578.660.000	137.800.000.000
Cổ phiếu quỹ	2.501.340.000	2.500.000.000
Cộng	154.080.000.000	140.300.000.000

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	140.300.000.000	128.700.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	13.780.000.000	11.600.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	154.080.000.000	140.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	62.063.230	12.913.965.530

D. Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.408.000	14.030.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	15.157.866	13.780.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.157.866	14.030.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	250.134	250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.134	250.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.157.866	13.780.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.157.866	13.780.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	

Đ. Cổ tức	Số kỳ này	Số năm trước
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	Chưa công bố	12%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		

E. Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	4.395.865.839	3.390.355.276

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOAN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ

VI. KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu vận tải	46.046.940.902	44.012.865.230
Doanh thu khai thác CFS	8.222.206.997	9.771.651.155
Doanh thu bãi	13.697.100.193	13.211.234.568
Doanh thu Shipline	642.199.910	812.852.709
Doanh thu thương mại	14.708.963.071	23.732.133.180
Cộng	83.317.411.073	91.540.736.842
2. Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn vận tải	36.199.460.981	34.917.050.056
Giá vốn kho CFS	6.157.644.424	7.135.857.550
Giá vốn bãi	7.736.423.477	8.587.943.740
Giá vốn xuất tàu Shipline	528.388.292	783.822.107
Giá vốn thương mại	11.290.528.459	18.731.389.777
Cộng	61.912.445.633	70.156.063.230
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.600.051	27.782
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	260.120.662	27.123.355
Doanh thu tài chính khác	-	262.497.080
Cộng	266.720.713	289.648.217
4. Chi phí hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	671.190.730	2.312.616.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.903.341	-
Cộng	676.094.071	2.312.616.127
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.190.890.462	2.036.222.069
Chi phí khấu hao TSCĐ	446.664.162	590.756.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.665.811.697	1.932.935.794
Chi phí bằng tiền khác, LTTM	3.445.806.588	2.437.130.011
Cộng	7.749.172.909	6.997.044.409
6. Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	6.920.464.206	6.451.183.367

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	Phạt hợp đồng	147.250.638	-
	Cộng	7.067.714.844	6.451.183.367
7.	Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
	Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	4.647.939.847	5.076.754.769
	Cộng	4.647.939.847	5.076.754.769
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.102.950.566	2.602.509.919
	Cộng	3.102.950.566	2.602.509.919
Chi phí thuế TNDN hiện hành là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 1/01/2015 đến 30/06/2015 và sẽ được điều chỉnh khi công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp vào cuối năm tài chính.			
9.	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
	Chi phí nguyên vật liệu	3.300.888.345	9.052.095.292
	Chi phí Nhân công	8.668.950.688	3.247.861.026
	Chi phí khấu hao TSCĐ	7.901.380.006	9.316.883.668
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.712.422.740	49.530.879.515
	Chi phí khác bằng tiền, LTTM	4.077.976.763	6.005.388.138
	Cộng	69.661.618.542	77.153.107.639
10.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Từ 01-01-2015 đến 30/06/2015
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.632.989.599
	Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ		13.780.000
	Số cổ phiếu phát hành thêm		1.377.866
	Số cổ phiếu lưu hành bình quân		13.915.899
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		908

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	Kỳ này
	VND
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	68.319.287.358
2. Tiền chi trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường và hợp đồng vay	68.765.542.310

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền và các khoản tương đương tiền	30.107.589.652	30.107.589.652
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	49.070.809.696	48.683.574.605

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ Tài chính

tại Số cuối kỳ	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính	9.296.853.876	7.841.500.000	17.138.353.876
Phải trả người bán	6.539.570.756	-	6.539.570.756
Các khoản phải trả khác	4.425.553.175	9.768.343.315	14.193.896.490
Chi phí phải trả	183.610.213	-	183.610.213

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan	Mối quan hệ	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con	
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	Công ty con	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Công ty con	
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	Công ty con	
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	
Ông Nguyễn Đình Chung	Cổ đông lớn	
Công ty Cổ phần hàng hải MACS	Cổ đông lớn	
Ông Nguyễn Thành Lê	Cổ đông lớn	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Cổ đông lớn	
2.2. Cho các công ty con vay	Tại ngày 30/6/2015	Tại ngày 01/01/2015
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	26.982.000.000	22.660.000.000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	690.000.000	400.000.000
Công ty TNHH SX và Thương mại Duyên Hải	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	14.600.000.000	14.510.000.000
Cộng	44.272.000.000	39.570.000.000
2.3. Cổ tức lợi nhuận được chia	Kỳ này	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	2.034.896.350	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	5.956.204.774	
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.986.347.902	
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	2.931.806.201	
Công ty TNHH Container Minh Thành	125.224.531	
Cộng	13.034.479.758	

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận và khu vực địa lý

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh dịch vụ: Dịch vụ xuất tàu Shipline, dịch vụ kho CFS, dịch vụ bãi và cho thuê bãi.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Kinh doanh thương mại: Bán hàng hoá, thành phẩm...

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh về bộ phân theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Doanh thu theo bộ phân	Chi phí theo bộ phân	KQKD theo bộ phân
Kinh doanh dịch vụ	68.608.448.002	50.621.917.174	17.986.530.828
Kinh doanh thương mại	14.708.963.071	11.290.528.459	3.418.434.612
Cộng	83.317.411.073	61.912.445.633	21.404.965.440
Các chi phí không phân bổ theo BP			(7.749.172.909)

Thông tin về kết quả kinh doanh về bộ phân theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Kỳ này	Hải Phòng	Phú Thọ	Hà Nội
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	36.427.474.729	46.615.786.344	274.150.000
Giá vốn thương mại và DV	59.307.421.427	2.566.528.176	38.496.030
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	(22.879.946.698)	44.049.258.168	235.653.970
Doanh thu HĐ tài chính	260.687.773	5.859.842	173.098
Chi phí tài chính	570.834.483	105.259.588	-
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý DN	6.879.950.087	829.474.797	39.748.025
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(30.070.043.495)	43.120.383.625	196.079.043
Thu nhập khác	6.920.464.226	147.250.618	-
Chi phí khác	4.647.939.847	-	-
Lợi nhuận khác	2.272.524.379	147.250.618	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(27.797.519.116)	43.267.634.243	196.079.043

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 và báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội, và các Báo cáo này đã được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Năm 2015 là kỳ kế toán đầu tiên doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán theo hướng dẫn Thông tư 200 (TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014) và TT 202 (TT202/TT-BTC ngày 22/12/2014). Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với kỳ này.

Tài sản	Số cuối năm 2014	Số đầu năm 2015	Chênh lệch
	theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006	theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	77.990.902.026	73.213.078.141	(4.777.823.885)
II. Các khoản đầu tư tài chính	1.857.823.885	-	(1.857.823.885)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	36.329.460.163	42.277.355.182	5.947.895.019
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.006.884.835	10.954.779.881	5.947.895.046
V. Tài sản ngắn hạn khác	10.160.856.841	1.292.961.795	(8.867.895.046)
3. Tài sản ngắn hạn khác	8.867.895.046	-	(8.867.895.046)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	145.278.787.394	150.056.611.279	4.777.823.885

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường di Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

I. Các khoản phải thu dài hạn	-	4.777.823.885	4.777.823.885
1. Phải thu về cho vay dài hạn	-	1.857.823.885	1.857.823.885
2. Phải thu dài hạn khác	-	2.920.000.000	2.920.000.000
II. Tài sản cố định	114.613.429.234	113.540.033.771	(1.073.395.463)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	-	1.073.395.463	1.073.395.463
VI. Tài sản dài hạn khác	1.735.520.578	30.665.358.160	28.929.837.582
3. Lợi Thế thương mại	-	28.929.837.582	28.929.837.582
VII. Lợi Thế thương mại	28.929.837.582	-	(28.929.837.582)

Nguồn vốn	Số cuối năm 2014	Số đầu năm 2015	Chênh lệch
	theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006	theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	
I. Nợ ngắn hạn	29.975.743.348	29.176.743.348	(799.000.000)
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	1.324.458.502	1.324.458.502
7. Phải trả ngắn hạn khác	2.971.422.287	1.646.963.785	(1.324.458.502)
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.684.608.828	14.885.608.828	(799.000.000)
II. Nợ dài hạn	8.754.114.806	9.553.114.806	799.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.900.000.000	2.699.000.000	799.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	183.408.207.765	184.539.831.266	1.131.623.501
I. Vốn chủ sở hữu	183.408.207.765	184.539.831.266	1.131.623.501
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		8.603.495.084	8.603.495.084
- LNST chưa phân phối kỳ này		22.249.287.805	22.249.287.805

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo.

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

7. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	61%	67%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	39%	33%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	19%	17%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Vốn chủ sở hữu	23%	21%

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Hoàng Thị Ngọc Lan

Nguyễn Thu Thủy

Lê Thái Cường

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phụ lục 01

11.1 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Khoản mục	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP VT ĐPT Duyên Hải	-	-	-	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000
Công ty TNHH VT Đường bộ Duyên Hải (1)	3.457.025.000	3.457.025.000	20.386.672.860	22.104.034.349	5.174.386.489	5.174.386.489
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	4.714.448.876	4.714.448.876	10.599.045.747	13.288.466.910	7.403.870.039	7.403.870.039
Công ty TNHH VT Duyên Hải Phú Thọ (2)	1.125.380.000	1.125.380.000	31.453.568.751	31.615.541.051	1.287.352.300	1.287.352.300
Tổng cộng	9.296.853.876	9.296.853.876	62.439.287.358	68.028.042.310	14.885.608.828	14.885.608.828

(1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2014/1171159/HĐTD ngày 30/06/2014. Lãi suất vay theo từng thời điểm.. Tài sản đảm bảo: 12 đầu kéo, 06 Rơ moóc, 01 ô tô 4 chỗ BKS 15A 003.65 và 01 xe nâng.

(2): Hợp đồng hạn mức số 01/2014/1005315/HĐTD ngày 16/7/2014: Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay: áp dụng theo từng thời điểm. Mục đích: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo: Tài sản được xây dựng trên đất bao gồm: trụ sở nhà làm việc, nhà kho, sân bãi ... và các thiết bị máy móc: Cầu giàn, 02 xe nâng, cần trục 36 tấn, xe đầu kéo BKS: 19N-3124 và 19N-3120.

11.2 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Khoản mục	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP VT ĐPT Duyên Hải	799.000.000	799.000.000	-	-	799.000.000	799.000.000
Công ty TNHH VT đường bộ Duyên Hải (3)	7.042.500.000	7.042.500.000	5.880.000.000	737.500.000	1.900.000.000	1.900.000.000
Tổng cộng	7.841.500.000	7.841.500.000	5.880.000.000	737.500.000	2.699.000.000	2.699.000.000

(3)- Hợp đồng tín dụng số 02/2014/1171159/HĐTD ngày 27/11/2014: Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất: Thả nổi (áp dụng lãi suất cho vay theo quy định tại ngày giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên). Tài sản thế chấp: 04 Đầu kéo nhãn hiệu Chenglong, model: LZ4253 QDC, công suất 340, sản xuất năm 2014; tổng giá trị của tài sản thế chấp: 3.418.181.820 VND (ủy quyền xử lý tài sản đảm bảo số 02/2015/1171159/HĐUQ ngày 10/07/2015: đảm bảo việc thực hiện quyền của ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/1171159/HĐTC ngày 19/06/2015). Mục đích vay: Đầu tư 10 đầu kéo và 10 Somi Rơ moóc.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phụ lục 02

13.a Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Nội dung		Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
1	Thuế GTGT	1.486.848.407	12.839.944.928	13.960.224.379	366.568.956
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	333.046.178	235.309.384	544.922.225	23.433.337
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải		4.454.859.762	4.454.859.762	
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	119.889.987	742.298.748	732.933.736	129.254.999
	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	489.008.081	27.415.000	516.423.081	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	167.538.034	4.717.678.669	4.719.812.925	165.403.778
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	123.458.946	2.317.240.867	2.440.699.813	-
	Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	34.722.440	5.181.834	38.451.201	1.453.073
	Công ty TNHH Container Minh Thành	219.184.741	339.960.664	512.121.636	47.023.769
2	Thuế TNDN	1.340.733.129	3.102.950.566	3.079.317.331	1.364.366.364
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	186.945.738	333.266.024	378.635.722	141.576.040
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	278.903.777	645.901.319	562.988.601	361.816.495
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	266.827.472	531.678.954	493.396.402	305.110.024
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	162.023.843	622.502.192	533.606.775	250.919.260
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	301.560.317	919.095.818	915.711.590	304.944.545
	Công ty TNHH Container Minh Thành	144.471.982	50.506.259	194.978.241	-
3	Thuế TNCN	11.855.606	95.344.352	63.424.928	40.424.429
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	7.038.165	41.708.158	40.124.165	8.622.158

	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	347.230	2.287.128	2.293.484	340.874
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	10.264.736	-	6.914.135
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	3.602.305	19.021.185	20.077.736	2.545.754
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	75.000	1.333.408	75.000	1.333.408
	Công ty TNHH Container Minh Thành	792.906	20.729.737	854.543	20.668.100
4	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	896.663.346	245.408.000	651.255.346
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	-	274.192.000	169.740.000	104.452.000
	Công ty TNHH Container Minh Thành	-	622.471.346	75.668.000	546.803.346
5	Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		3.000.000	3.000.000	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	2.000.000	2.000.000	-
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải		3.000.000	3.000.000	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành	-	3.000.000	3.000.000	-
	Cộng	2.839.437.142	16.945.903.192	17.359.374.638	2.422.615.095

13.b Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Nội dung		Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	Thuế TNDN	3.924.415		-	53.418.155
	Công ty TNHH Container Minh Thành - thuế TNDN			49.493.740	49.493.740
	Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải - thuế TNDN	3.924.415			3.924.415
	Thuế TNCN	3.350.601			
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ (thuế TNCN)	3.350.601			
	Cộng	7.275.016	-	-	53.418.155